

Số: 95/2023/QĐST-DS

Trà Ôn, ngày 30 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2023, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 252/2023/TLST-DS, ngày 05 tháng 7 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1963.

2/ Bà Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1963

Cùng địa chỉ cư trú: ấp N, xã T, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Bé T là ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1963 là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 05/7/2023).

- Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1986

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bị đơn anh Phạm Văn H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Bé T số tiền còn nợ là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Bé T có nghĩa vụ nộp 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) nhưng ông M, bà Bé T thuộc diện người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên miễn toàn bộ án phí cho ông M, bà Bé T.

+ Anh Phạm Văn H có nghĩa vụ nộp 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- CCTHADS huyện Trà Ôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Thạch Thị Tuyền